

Bản án số: 1083/2023/HC-PT

Ngày: 27 - 12 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính đối với trường hợp bồi
thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 501/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính đối với trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2436/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đạo Thanh T1, sinh năm 1983 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường B, khu phố I, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Đức H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N (có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Thành Q – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện N (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Trần Thị Bích P, sinh năm 1968 (vắng mặt)

2/Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

3/Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp N

Địa chỉ: QL B, thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T2 – Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tân V – Phó giám đốc (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T (có ông Đạo Thanh T1 là đại diện theo ủy quyền).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Đạo Thanh T1 trình bày:

Tổng diện tích 32.943m² đất thu hồi gồm thửa đất số 14, diện tích 18.758,8m² và thửa đất số 20, diện tích 14.184,2m² xã H, huyện N có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn T khai hoang và được nhận tặng cho từ cha mẹ ruột năm 2006, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên quá trình sử dụng từ năm 2006 cho đến khi có quyết định thu hồi đất, ông T trồng mỳ, trồng mía và các cây hoa màu khác trên hai thửa đất trên liên tục, không tranh chấp với ai; không vi phạm pháp luật về đất đai hoặc bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở hay xử phạt. Thực hiện dự án Hồ C hạng mục Lòng hồ xã H, huyện N, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án, cụ thể như sau:

Ngày 06/12/2019, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2941/QĐ-UBND thu hồi đất của ông; Ngày 19/6/2021 Ủy ban nhân dân huyện N ban hành 1196/QĐ-UBND điều chỉnh nội dung Quyết định số 2941/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện N. Ngày 23/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1233/QĐ- UBND bồi thường cho ông T các khoản tổng cộng là 1.754.251.320 đồng, gồm:

- Đất: 534.043.200 đồng;
- Nhà, vật kiến trúc: 15.513.720 đồng;
- Các khoản hỗ trợ (chuyển đổi nghề và tạo việc làm, ổn định đời sống): 1.060.442.400 đồng.

Theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND về đất bồi thường hỗ trợ cho ông T 24.927,2m²; phần đất còn lại 8.015,8m² chỉ được hỗ trợ giá trị đất rừng (5.000 đồng/m²) mà không được bồi thường, hỗ trợ. Ông T yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N phải thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ diện tích 8.015,8m² đất

theo như giá, loại đất nông nghiệp giống như 24.927,2m² đất đã bồi thường, hỗ trợ.

Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ cho ông T không đúng quy định pháp luật vì: Khi tiến hành kiểm kê, đo đạc, trích lục cũng như hiện trạng sử dụng đất nhiều năm nay đều xác định: Thửa đất số 14, diện tích 18.758,8m², loại đất CLN; Thửa đất số 20, diện tích 14.184,2m², loại đất BHK không phải là đất rừng nhưng Ủy ban nhân dân huyện N chỉ bồi thường, hỗ trợ diện tích 24.927,2m²/ 32.943m² diện tích đất bị thu hồi, diện tích còn lại cho rằng là loại đất rừng nên không được bồi thường, hỗ trợ là không đúng hiện trạng sử dụng đất, không đúng như trích lục ngày 22/10/2019 và ngày 18/6/2021 thể hiện về loại đất. Ủy ban nhân dân huyện N cho rằng đất của ông T thuộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L (Viết tắt Công L) đang quản lý nhưng từ khi ông T trồng các loại cây trên đất cho đến khi Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi đất thì Công ty L không có ý kiến gì về việc sử dụng đất của ông. Việc xác định loại đất không đúng dẫn đến việc áp giá bồi thường, hỗ trợ cũng không đúng đối với diện tích đất 8.016m² bị thu hồi, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Về bồi bồi thường cây trồng hoa màu trên đất: Ngày 31/12/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh N ban hành Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND về ban hành Bảng giá hoa màu cây trồng trên địa bàn tỉnh có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2021 và thay thế Quyết định số 07/2019/QQĐ-UBND ngày 24/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh N ban hành Bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh. Ngày 23/6/2021 Ủy ban nhân dân huyện N mới ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông T nhưng vẫn áp dụng bảng giá hoa màu, cây trồng theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 là không phù hợp, gây thiệt hại cho gia đình ông T.

Ngày 23/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện N tiếp tục ban hành quyết định số 1233/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông T số tiền 1.754.251.320 đồng, không đồng ý với quyết định này ông T có khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N. Ngày 20/7/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Thông báo số 715/TB-UBND thụ lý khiếu nại của ông T. Ngày 23/8/2022, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1750/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông T với số tiền 29.507.000 đồng. Ông T vẫn không đồng ý với khoản bồi thường, hỗ trợ này nên khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn T để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Hồ chứa nước sông than, hạng mục lòng hồ, xã H, huyện N.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N phải tiếp tục bồi thường, hỗ trợ cho ông diện tích 8.015,8m² theo đúng loại đất bị thu hồi là CLN và BHK.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N phải áp dụng đơn giá bồi thường đối với cây trồng, hoa màu bị thu hồi theo Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh N và quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Nguyễn Đức H trình bày:

Dự án Hồ chứa nước Sông Than thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn T với diện tích 32.943m²; trong đó: Thửa đất số 20, Tờ BĐĐC số 77, thu hồi diện tích: 14.184,2m²; Thửa đất số 14, Tờ BĐĐC số 77, thu hồi diện tích: 18.758,8m²;

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, thửa đất số 20 có nguồn gốc do hộ ông T tự khai phá, sử dụng ổn định từ năm 2011 và thửa số 14 có nguồn gốc do cha mẹ ông T khai phá từ năm 2009 đến năm 2012 cho lại ông T sử dụng ổn định.

1. Thời điểm áp dụng quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định 241/2007/QĐ- UBND ngày 14/9/2007:

Căn cứ ranh giới quy hoạch 03 loại rừng được xác định theo Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2007- 2015;

Qua chồng ghép, xác định đất trong lâm nghiệp và ngoài lâm nghiệp giữa các cơ quan chức năng của huyện và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên L xác định toàn bộ diện tích 32.943m² của 02 thửa đất số 14 và 20 đều nằm trong quy hoạch 03 loại rừng.

Căn cứ quy định pháp luật về đất đai và chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 209/TB-VPUB ngày 18/6/2018; Thông báo số 379/TB-VPUB ngày 21/11/2018 và Văn bản số 4936/UBND-TCĐNC ngày 05/12/2019 về việc áp dụng một số chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh theo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 678-TB/TU ngày 29/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện B các Quyết định: Quyết định thu hồi đất số 2491/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 thu hồi thửa 20, diện tích 14.184,0m² và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 thu hồi thửa 14, diện tích 18.758,8m²; Quyết định phê duyệt phương án và kinh phí bồi thường, hỗ trợ số 2474/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 và Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 29/5/2020.

Căn cứ vào Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án. Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn T; cụ thể: Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 09/12/2019: Bồi thường, hỗ trợ số tiền 170.025.520 đồng, Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 29/5/2020: Bồi thường, hỗ trợ số tiền 3.960.860 đồng.

2. Thời điểm áp dụng quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018:

Thực hiện Thông báo số 339/TB-VPUB ngày 21/12/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn bản số 830/UBND-TCĐNC ngày 22/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng ranh giới quy hoạch 03 loại rừng được phê duyệt tại Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, để xác lập hồ sơ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân tại Dự án Hồ C, hạng mục Lòng hồ, xã H.

Căn cứ kết quả rà soát, đối chiếu ranh giới thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn T tại dự án Hồ C với Bản đồ quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 (do Chi cục Kiểm lâm thực hiện tại Văn bản số 189/CCKL-QLBVRBTTN ngày 22/02/2021), xác định diện tích của ông Nguyễn Văn T, cụ thể:

- Thửa đất số 20, Tờ BĐĐC số 77, thu hồi diện tích: 14.184,0m² (có diện tích 12.069,9m² đã đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng; diện tích 2.114,1m² nằm trong quy hoạch 03 loại rừng);

-Thửa đất số 14, Tờ BĐĐC số 77, thu hồi diện tích: 18.758,8m² (có diện tích 12.866,0m² đã đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng; diện tích 5.892,8m² nằm trong quy hoạch 03 loại rừng).

Không đồng ý với kết quả xác định diện tích quy hoạch 03 loại rừng của Chi Kiểm lâm và loại đất thu hồi, ông Nguyễn Văn T kiến nghị yêu cầu đo đạc diện tích thực tế và xác định loại đất theo hiện trạng đang sử dụng.

Ngày 17/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho các cơ quan chức năng của huyện tổ chức kiểm tra thực địa. Qua buổi kiểm tra được sự thống nhất của đoàn kiểm tra và xác nhận của hộ ông Nguyễn Văn T. Kết quả được thống nhất như sau:

-Thửa đất số 14, Tờ BĐĐC số 77, thu hồi diện tích: 18.758,8m², được xác định là đất trồng cây lâu năm (có diện tích 12.857,4m² đã đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng; diện tích 5.901,4m² nằm trong quy hoạch 03 loại rừng).

- Thửa đất số 20, Tờ BĐĐC số 77, thu hồi diện tích: 14.184,0m², được xác định là đất trồng cây hàng năm, không yêu cầu đo đạc.

Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 19/6/2021 của về việc Điều chỉnh một số Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện N, trong đó có điều chỉnh 02 Quyết định phê duyệt: Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 06/12/2019; Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 29/5/2020, trong đó có trường hợp ông Nguyễn Văn T được loại bỏ trong phương án và Ủy ban nhân dân huyện B một Quyết định phê duyệt khác để thực hiện bồi thường cho ông T tại Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 19/6/2021; Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 19/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ 02 Quyết định thu hồi đất: Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 29/5/2020.

Căn cứ từ các Quyết định thu hồi, phê duyệt phương án đã được điều chỉnh nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện B các Quyết định để phù hợp với phương án được phê duyệt:

- Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc hủy bỏ một số Quyết định bồi thường, hỗ trợ, trong đó có hủy bỏ 02 Quyết định bồi thường, hỗ trợ trường hợp ông Nguyễn Văn T: Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 29/5/2020.

- Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T với số tiền 1.754.251.320 đồng.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 3794/UBND-TCĐNC ngày 27/7/2021; Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp đất nằm trong quy hoạch 03 loại rừng, có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng, tặng cho bằng giấy viết tay trước ngày 1/7/2014. Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định phê duyệt và Quyết định hỗ trợ bổ sung số 1750/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 cho hộ ông T đối với diện tích 5.901,4m² đất nằm trong quy hoạch 03 loại rừng có nguồn gốc do đất có nguồn gốc nhận tặng, cho, số tiền: 29.507.000 đồng (5.901,4m² x 5.000 đồng/m²).

Hiện nay, H2 ông T đã nhận đầy đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ tại các Quyết định mà Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành.

3. Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đất CLN và BHK đối với diện tích nằm trong quy hoạch 3 loại rừng:

Căn cứ ranh giới quy hoạch 03 loại rừng được xác định theo Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2007- 2015, vào năm 2007, diện tích 8.015,8m² đã được quy hoạch nằm trong quy hoạch 03 loại rừng.

Tổng diện tích 8.015,8m² (gồm 5.901,4m² thuộc thửa số 14 và 2.114,1m² thuộc thửa đất số 20) được bắt đầu sử dụng vào năm 2009 và năm 2011, tức sau khi được quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh N. Đến năm 2018, diện tích nêu trên vẫn thuộc quy hoạch đất nằm trong quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện chủ trương hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 339/TB- VPUB ngày 21/12/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn bản số 830/UBND- TCDNC ngày 22/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng ranh giới quy hoạch 03 loại rừng được phê duyệt tại Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, để xác lập hồ sơ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân tại Dự án Hồ C, hạng mục Lòng hồ, xã H. Đồng thời, căn cứ điểm a khoản 9 Điều 1 Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, có quy định: “a) Hỗ trợ diện

tích đất có nguồn gốc lần, chiếm gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, có hộ khẩu thường trú tại Ninh Thuận, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, được Ủy ban nhân dân xã xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, diện tích đất sử dụng bị thu hồi nằm trong quy hoạch 3 loại rừng khi Nhà nước thu hồi đất được hỗ trợ về đất; mức hỗ trợ bằng một lần đơn giá đất trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định của loại đất bị thu hồi; diện tích đất được hỗ trợ toàn bộ diện tích đất bị thu hồi”.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện N hỗ trợ bằng 01 lần giá đất rừng đối với diện tích 8.015,8m² đất nằm trong quy hoạch 3 loại rừng khi thu hồi đất là phù hợp với quy định của pháp luật và chủ trương, chính sách hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ông T yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đất CLN và BHK đối với diện tích 8.015,8m² đất nằm trong quy hoạch 3 loại rừng là không có cơ sở.

4. Về yêu cầu áp dụng đơn giá bồi thường đối với cây trồng, hoa màu theo Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020:

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 24/1/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc ban hành bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Ngày 06/12/2019, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2474/QĐ- UBND ngày 06/12/2019 về việc phê duyệt phương án và kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 24 hộ gia đình, cá nhân.

Ngày 29/5/2020, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1011/QĐ- UBND ngày 29/5/2020 về việc phê duyệt phương án và kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 16 hộ gia đình, cá nhân.

Về hoa màu, cây trồng của hộ ông Nguyễn Văn T được phê duyệt tại 02 Quyết định nêu trên. Ủy ban nhân dân huyện căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 24/1/2019 đang có hiệu lực để phê duyệt phương án để bồi thường là đúng quy định pháp luật. Việc hộ ông T không nhận tiền bồi thường cho tới thời điểm Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 có hiệu lực thay thế cho Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 24/1/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì yêu cầu áp dụng Quyết định mới để bồi thường là không đúng theo quy định của pháp luật, không có cơ sở để giải quyết.

Ủy ban nhân dân huyện N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích P và ông Nguyễn Văn H1 có văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 16/12/2022:

Ông, bà đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 77 xã H, với diện tích 14.184,0m², loại đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) là do ông Nguyễn Văn T tự khai hoang vào năm 2006 và thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 77 xã H, với diện tích 18.758.8m², loại đất cây lâu năm (CLN) là do cha mẹ là ông Nguyễn V1, sinh năm 1967, bà Trần Thị Bích P, sinh năm: 1968, cùng trú: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, khai hoang vào năm 1990 tặng cho ông Nguyễn Văn T. Việc tặng cho đất giữa cha mẹ ông với ông Nguyễn Văn T

chỉ bằng miệng, không làm giấy tờ nhưng ông H1, bà P không tranh chấp hay khiếu nại gì đến thửa đất số 14.

Thực hiện dự án Hồ C hạng mục Lòng hồ xã H, huyện N, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Ông T là người trực tiếp nhận tiền và thực hiện việc khiếu nại đến quyền lợi của ông đối với đất thu hồi. Bà P và ông H1 không tranh chấp gì với ông T số tiền bồi thường; đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và kết quả phiên đối thoại ngày 01/12/2012. Do bận công việc không thể trực tiếp tham gia phiên tòa nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà P, ông H1 tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L có văn bản trình bày ý kiến số 33/CTLNNS-KHKT ngày 21/3/2023 và văn bản số 49/CTLNNS- KHKT ngày 10/4/2023 và tại phiên đối thoại ông Lê Tân V trình bày:

- Về Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh G đất cho Công ty quản lý:

Căn cứ Quyết định số 199/UB-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh N phê duyệt kết quả quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2018 – 2025. Sau khi rà soát, kiểm tra đối chiếu diện tích 18.758,8m² tại thửa đất số 14 và diện tích 14.184m² tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 77, xã H so với diện tích quy hoạch 03 loại rừng của đơn vị đang quản lý, cụ thể: Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 77, thu hồi diện tích 18.758,8m², diện tích quy hoạch dự kiến đưa ra ngoài 03 loại rừng: 12.866m², diện tích quy hoạch rừng sản xuất: 5.892,8m²; Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 77, thu hồi diện tích 14.184m², diện tích quy hoạch dự kiến đưa ra ngoài 03 loại rừng 12.069,9m², diện tích quy hoạch rừng sản xuất 2.114,1m².

- Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho công ty:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 217574 cấp ngày 17/01/2014 (theo quyết định số 926/QĐ-UBND cấp ngày 10/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh N). Sau khi rà soát, kiểm tra đối chiếu diện tích 18.758,8m² tại thửa đất số 14 và diện tích 14.184m² tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 77 xã H so với diện tích giao cho Công ty L quản lý theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 217574 cấp ngày 17/01/2014 thì toàn bộ diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L.

Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định như sau:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn T để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Hồ chứa nước sông T, hạng mục lòng hồ, xã H, huyện N.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N phải tiếp tục bồi thường, hỗ trợ cho ông T diện tích 8.015,8m² theo đúng loại đất bị thu hồi là CLN và BHK.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N phải áp dụng đơn giá bồi thường đối với cây trồng, hoa màu bị thu hồi theo Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh N và quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2023 người khởi kiện ông Nguyễn Văn T (có ông Đạo Thanh T1 là đại diện theo ủy quyền) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T (có ông Đạo Thanh T1 là đại diện theo ủy quyền) xin xét xử vắng mặt. Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N (có ông Nguyễn Đức H là đại diện theo ủy quyền) đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận, Ủy ban nhân dân huyện N (có ông Nguyễn Đức H là đại diện theo ủy quyền) không đồng ý yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Thực hiện Dự án Hồ chứa nước Sông Than hạng mục Lòng hồ xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành quyết định thu hồi diện tích 32.943m² gồm: Thửa đất số 14, diện tích 18.758,8m² và thửa đất số 20, diện tích 14.184,2m² của ông Nguyễn Văn T. Ngày 23/6/2021 Ủy ban nhân dân huyện N có Quyết định số 1233/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ diện tích 24.927,2m²/ 32.943m², và áp dụng giá bồi thường cây trồng hoa màu trên đất theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh N. Ông T cho rằng việc bồi thường, hỗ trợ là gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông, nên khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định

1233/QĐ-UBND và buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường, hỗ trợ thêm diện tích 8.015,8m², áp giá hoa màu cây trồng trên đất theo Quyết định 59/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh N.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[3.1] Về thời hiệu khởi kiện, các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định bị kiện, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định theo nhận định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3.2] Ông T bị thu hồi phần đất có tổng diện tích là 32.943m² gồm: Thửa đất số 14, diện tích 18.758,8m² và thửa đất số 20, diện tích 14.184,2m². Trong đó:

- Thửa đất số 14 tờ bản đồ số 77 với diện tích là 18.758,8m², gồm: 12.857,4m² đất quy hoạch đưa ra ngoài 03 loại rừng có nguồn gốc vợ chồng ông Nguyễn V1 (là cha ruột của ông Nguyễn Văn T) tự khai phá và sử dụng từ năm 2009 đến năm 2012 và tặng cho lại cho con là hộ ông Nguyễn Văn T sử dụng ổn định cho đến nay. Không có giấy tờ tặng cho đất kèm theo.

Phần diện tích đất lâm nghiệp là 5.901,4m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4159A/QĐ ngày 29/12/1998, được Ủy ban nhân dân tỉnh C đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 217574 ngày 17/01/2014 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L. Vợ chồng ông Nguyễn V1 bà Trần Thị Bích P (cha mẹ ruột của ông Nguyễn Văn T) đã lấn chiếm để sử dụng từ năm 2009 đến năm 2012 tặng cho lại ông Nguyễn Văn T sử dụng cho đến nay, không có giấy tờ tặng cho đất kèm theo.

- Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 77 với diện tích là 14.184,2m², gồm diện tích 12.069,8m² đất quy hoạch đưa ra ngoài 3 loại rừng có nguồn gốc do vợ chồng ông Nguyễn Vinh t khai phá và sử dụng từ năm 2011 đến năm 2013 thì tặng cho lại con là hộ ông Nguyễn Văn T sử dụng ổn định cho đến nay (không có giấy tờ tặng cho đất kèm theo).

Phần diện tích đất lâm nghiệp là 2.114,4m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4159A/QĐ ngày 29/12/1998 được Ủy ban nhân dân tỉnh C đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 217574 ngày 17/01/2014 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên L. Vợ chồng ông Nguyễn V1 đã lấn chiếm để sử dụng từ năm 2011 đến năm 2013 thì tặng cho lại con là hộ ông Nguyễn Văn T sử dụng cho đến nay không có giấy tờ tặng cho hợp pháp.

Vậy, trong phần diện tích bị thu hồi thì có phần đất 5.901,4m² (thuộc thửa 14) và 2.114,4m² (thuộc thửa 20), tờ bản đồ 77 xã H nằm trong phần đất của Công ty L quản lý được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4159A/QĐ ngày 29/12/1998 (cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 217574 ngày 17/01/2014); Ông T không có giấy tờ hợp pháp của thửa đất và chưa đăng ký, kê khai tại địa chính xã H. Vì vậy Ủy ban nhân dân huyện N xác định diện tích đất thu hồi của ông T đang sử dụng là lấn chiếm đất rừng của Công ty L là có căn cứ.

Ngày 23/6/2021 Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định 1233/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông T phần diện tích 24.927,2m² là đúng quy định tại khoản 2 Điều 74, khoản 1 Điều 75, khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013.

Đối với phần diện tích 8.015,8m²: Phần đất này nằm trong quy hoạch 03 loại rừng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên L cung cấp thì diện tích đất này hiện đang thuộc quyền quản lý của Công ty. Gia đình ông T đã tự ý lấn chiếm đất rừng, không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nên không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 82 Luật đất đai năm 2013 thì ông T không được bồi thường khi thu hồi đất. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh N, Ủy ban nhân dân huyện N đã tính hỗ trợ cho ông T đối với diện tích đất này là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3.3] Theo Biên bản kiểm kê, đo đạc hiện trường ngày 04/4/2019 và ngày 22/10/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N thì tài sản trên 02 thửa đất bị thu hồi gồm: Mì trồng thả 08 tháng tuổi trên diện tích 11.000m²; 199 cây chuối đang thu hoạch; 70 cây chuối chưa thu hoạch; 06 cây đu đủ đang thu hoạch; 01 cây mít chưa thu hoạch; 01 cây mít đang thu hoạch; Mì trồng thả 06 tháng tuổi trên diện tích 8.700m²; 172 cây điều chưa thu hoạch (01 năm tuổi); 02 cây me đang thu hoạch. Ông T xác định Ủy ban nhân dân huyện N đã bồi thường đầy đủ về số lượng tài sản trên đất, xác định đúng độ tuổi của cây trồng nhưng yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N phải áp dụng đơn giá bồi thường đối với cây trồng, hoa màu bị thu hồi theo Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh N.

Xét, tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 90 Luật đất đai quy định về bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi: “a. *Đối với cây trồng hàng năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của cây trồng chính tại địa phương và giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất; b. Đối với cây lâu năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất mà không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất*”.

Căn cứ quy định trên thì năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Thông báo thu hồi đất đối với hộ ông T, năm 2019 và năm 2020 Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành quyết định thu hồi đất của hộ ông T. Ngày 19/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định số 1196/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung của các quyết định thu hồi đất trước đó của ông T, nhưng chỉ điều chỉnh về loại đất, các nội dung khác không thay đổi. Ủy ban nhân dân huyện N căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc ban hành bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận để bồi thường hoa màu, cây trồng trên đất cho hộ ông T

là đúng quy định pháp luật. Ông T cho rằng Ủy ban nhân dân huyện N phải áp dụng Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh N để bồi thường về hoa màu, cây trồng trên đất cho ông là không có cơ sở chấp nhận, vì tại thời điểm thu hồi đất của ông T thì Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND đang có hiệu lực thi hành.

Mặt khác, ngày 19/5/2023, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1368/QĐ-UBND về việc bồi thường bổ sung tài sản cho ông T để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án hồ C, tổng số tiền bồi thường bổ sung là 4.350.000 đồng đối với mì trồng thả 06 tháng tuổi trên diện tích 8.700m², do phần tài sản này được phê duyệt tại phương án bồi thường năm 2021 nên Ủy ban nhân dân huyện N áp dụng theo đơn giá tại Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh N để bồi thường bổ sung cho ông T là có căn cứ, đúng quy định.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên ông T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

I. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T (có ông Đạo Thanh T1 là đại diện theo ủy quyền)

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Áp dụng Điểm b khoản 3 Điều 62; Điều 63; điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 69; khoản 2 Điều 74; khoản 1 Điều 75; khoản 4 Điều 82; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 90; khoản 3, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn T để giải phóng

mặt bằng thực hiện Dự án Hồ chứa nước sông T, hạng mục lòng hồ, xã H, huyện N.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N phải tiếp tục bồi thường, hỗ trợ cho ông T diện tích 8.015,8m² theo đúng loại đất bị thu hồi là CLN và BHK.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N phải áp dụng đơn giá bồi thường đối với cây trồng, hoa màu bị thu hồi theo Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh N và quy định của pháp luật.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000682 ngày 09/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (3);
- Lưu (10) 20b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu